

Bản án số: 28/2017/HS-ST
Ngày 20-9-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bé

Ông Phạm Thành Đồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Yên Linh, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2017/TLST-HS ngày 24 tháng 8 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2017/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2017 đối với bị cáo:

Võ T, sinh năm: 1995 tại Bến Tre.

Nơi cư trú: ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre;

nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ K và bà Trương Y; tiền án: không; tiền sự: Ngày 15/12/2014, Công an xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng, về hành vi trộm cắp tài sản, chưa đóng phạt; Ngày 17/5/2017, Công an xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng, về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chưa đóng phạt; bị tạm giữ từ ngày 13/6/2017 đến ngày 16/6/2017 được cho tại ngoại; có mặt.

- Bị hại: Chị Lê Th, sinh năm: 1998; nơi cư trú: ấp T, xã S, huyện M, tỉnh Bến Tre; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa năm 2016, Võ T và Lê Th có tình cảm nam nữ và nhiều lần quan hệ tình dục với nhau. Đến đầu năm 2017, Th chia tay T để chuẩn bị lấy chồng là Trần K, khoảng tháng 8/2017 (âm lịch) sẽ tổ chức lễ cưới.

Ngày 11/6/2017, Võ T dùng điện thoại di động có số thuê bao 0925.XXX.XXY gọi và nhắn tin vào điện thoại di động có số thuê bao 0925.XXX.XXX của Lê Th để hỏi mượn tiền nhưng Th không cho mượn. T nảy sinh ý chiếm đoạt tiền của Th để tiêu xài, T gọi và nhắn tin đe dọa Th phải đưa cho T số tiền 7.000.000 đồng, nếu Th không đưa T 7.000.000 đồng, T sẽ kể mối quan hệ nam nữ giữa T và Th trước đây cho nhiều người biết, đồng thời T sẽ cho Trần K xem đoạn quay phim cảnh quan hệ tình dục giữa T và Th trước đó.

Đến ngày 12/6/2017, Võ T tiếp tục dùng điện thoại di động có số thuê bao 0925.XXX.XXY gọi và nhắn tin vào điện thoại di động có số thuê bao 0925.XXX.XXX của Lê Th, đe dọa Th phải đưa cho T số tiền 7.000.000 đồng và hẹn Th vào ngày 13/6/2017 giao tiền. Th đang làm thuê tại tỉnh Bình Dương, Th nhận nhiều cuộc gọi và tin nhắn điện thoại đe dọa từ T, Th lo sợ T sẽ kể chuyện quan hệ nam nữ giữa T và Th trước đây cho nhiều người biết, trong đó có Trần K, nên đồng ý giao 7.000.000 đồng cho T vào ngày 13/6/2017 tại tỉnh Bến Tre.

Khoảng 12 giờ ngày 13/6/2017, T điện thoại cho Lê L nhờ L chở đi lấy tiền từ Th. Khi Th về đến tỉnh Bến Tre, T hẹn Th đến ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre để giao 7.000.000 đồng. Khi Th đến điểm hẹn, T đòi nhận 7.000.000 đồng, Th yêu cầu T viết giấy cam kết nhận được tiền thì không làm phiền Th nữa. T đi tìm giấy và viết xong bản cam kết thì gia đình Th phối hợp với Công an bắt giữ T. Công an lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Lê L chở Võ T đi lấy tiền L không biết T có hành vi cưỡng đoạt 7.000.000 đồng của Lê Th.

Trong thời gian bị Võ T nhắn tin đe dọa Th nhằm chiếm đoạt tài sản, Th kể sự việc T đe dọa Th để cưỡng đoạt số tiền 7.000.000 đồng cho gia đình Th biết, gia đình Th cùng Th về tỉnh Bến Tre để Th giao 7.000.000 đồng cho T, đồng thời báo Công an để làm rõ hành vi phạm tội của Võ T.

Bản Cáo trạng số:27/KSĐT-KT, ngày 24/8/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm truy tố bị cáo Võ T về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, theo khoản 1 Điều 135 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Võ T về tội danh, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành thật khai báo, ăn năn hối cải, người bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo phạm tội chưa đạt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 135, Điều 18, Điều 33, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Võ T với mức hình phạt từ 09 tháng đến 12 tháng tù, về tội: “Cưỡng đoạt tài sản”.

Hình phạt bổ sung: không.

Về trách nhiệm dân sự: không.

Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự, Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại hiệu hphone, mặt trước màu trắng, mặt sau không có ốp lưng, màu đen, pin màu trắng có ghi chữ BL-5C Koracell, có số thuê bao 0925.XXX.XXY mà T sử dụng làm phương tiện phạm tội; tịch thu tiêu hủy một thẻ nhớ điện thoại di động, không còn giá trị sử dụng.

Bị cáo, bị hại không tranh luận nội dung luận tội của Kiểm sát viên. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Giồng Trôm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu trên. Bị cáo nhận tội và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang, lời khai của bị hại, biên bản thu giữ vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó đủ cơ sở xác định:

Từ ngày 11 đến ngày 13 tháng 6 năm 2017, tại xã T và ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre, Võ T liên tục dùng điện thoại để gọi và nhắn tin đe dọa sẽ kể chuyện quan hệ nam nữ giữa Võ T và Lê Th cho mọi người biết làm cho Th lo sợ để nhằm chiếm đoạt số tiền 7.000.000 đồng.

Bị cáo Võ T là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Như vậy, bị cáo Võ T đã phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, nó đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của con người được pháp luật bảo vệ, ngoài ra còn gây sự hoang mang trong quần chúng nhân dân và làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Lúc phạm tội bị cáo là người có tiền sự, nên bị cáo không được xem là có nhân thân tốt. Vì vậy, việc cách ly bị cáo Võ T ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này hiện nay.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Mức hình phạt và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm đề nghị áp dụng đối với bị cáo là có cơ sở chấp nhận.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy tội Cường đoạt tài sản là tội có cấu thành hình thức được thể hiện ngay điều văn của điều luật “nhằm chiếm đoạt tài sản”, hậu quả không phải là yếu tố bắt buộc để định tội, nên tuy bị cáo chưa gây ra hậu quả (chưa chiếm đoạt được tài sản) nhưng có ý thức chiếm đoạt và đã thực hiện hành vi đe dọa sẽ kể mối quan hệ nam nữ giữa T và Th trước đây cho nhiều người biết, đồng thời T sẽ cho Trần K – chồng sắp cưới của Th xem đoạn quay phim cảnh quan hệ tình dục giữa T và Th trước đó, uy hiếp tinh thần người có trách nhiệm về tài sản, là tội phạm đã hoàn thành.

Do xét thấy tội phạm đã hoàn thành nên Hội đồng xét xử để cho bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ là “phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Do bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự, nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, để quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 135 Bộ luật hình sự: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đến một trăm triệu đồng...”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có tài sản, nghề nghiệp và thu nhập gì. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại không có yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

[6]. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Trong quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ: 01 điện thoại di động hiệu hphone, mặt trước màu trắng, mặt sau không có ốp lưng, màu đen, pin màu trắng có ghi chữ BL-5C Koracell, có số thuê bao 0925.XXX.XXY. T sử dụng điện thoại này làm phương tiện phạm tội; 01 thẻ nhớ của điện thoại di động; 01 tờ giấy tập học sinh có ghi “tôi tên là T...sẽ chiều trừ”; 01 xe mô tô 02 bánh biển số 71B2-XXX.XX của Lê L chở T đến gặp Th; 01 điện thoại di động Nokia, vỏ màu trắng, có số thuê bao 0921.XXX.XXX; tiền Việt Nam: 7.000.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S, màu hồng, có 02 số thuê bao 0925.XXX.XXX và 01204.XXX.XXX.

Cơ quan điều tra đã trả lại cho: Lê L xe mô tô 02 bánh biển số 71B2-XXX.XX và điện thoại di động Nokia, vỏ màu trắng, có số thuê bao 0921.XXX.XXX; Lê Th 7.000.0000 đồng và điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S, màu hồng, có 02 số thuê bao 0925.XXX.XXX và 01204.XXX.XXX, là đúng quy định.

Đối với 01 tờ giấy học sinh có ghi “tôi tên T....sẽ chiều trừ” đã lưu trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử xét thấy điện thoại di động nhãn hiệu hphone có gắn sim Vietnammobile số thuê bao “0925.XXX.XXY” là của bị cáo T sử dụng làm công cụ thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước. Đối với một thẻ nhớ điện thoại di động, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Võ T phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 135; các điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 33 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Võ T 09 (*Chín*) tháng tù. Thời hạn tù được T từ ngày bị cáo chấp hành án, nhưng được trừ vào thời gian bị tạm giữ từ ngày 13/6/2017 đến ngày 16/6/2017.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự; Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu hphone, mặt trước màu trắng, mặt sau không có ốp lưng, màu đen, pin màu trắng (điện thoại đã qua sử dụng) có gắn sim Vietnammobile số thuê bao “0925.XXX.XXY”.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) thẻ nhớ điện thoại di động.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28/8/2017 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G và Cơ quan Thi hành án dân sự huyện G).

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Võ T phải nộp số tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20/9/2017) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Công an huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(*Đã ký*)

Nguyễn Thế Hồng